

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HS-ST

Ngày: 25 - 8 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

2/ Bà Nguyễn Thị Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 226/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 253/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoài N; giới tính: Nam; sinh ngày: 28/6/2000; sinh tại: Tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai); CCCD số: 070200003316; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số A, Tổ C, ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn P, con bà Nguyễn Thị X; có vợ Nguyễn Thị Ngọc D, có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2025 đến nay, hiện đang giam giữ tại Trại Tạm giam C – Phân trại tạm giam khu vực Quận A. (có mặt)

- Bị hại:

1/ Ông Phạm Hữu T; sinh năm: 1991; địa chỉ: F đường T, Khu phố E, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

2/ Ông Phạm Văn H; sinh năm: 1964; địa chỉ: Nhà không số, Tổ D, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

3/ Ông Lê Chung P1; sinh năm: 2002; địa chỉ: 5 N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

4/ Bà Đỗ Thị Thu V; sinh năm: 1999; địa chỉ: A, Khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

5/ Ông Trương Văn C; sinh năm: 2003; địa chỉ: 7 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

6/ Ông Bùi Chí V1; sinh năm: 2006; địa chỉ: A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường M, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoài N biết chỗ tiêu thụ xe mô tô do phạm tội mà có ở tỉnh Bình Phước nên rủ Dương Duy T1 và Bùi Văn H1 tìm mua xe mô tô do người khác trộm cắp để thu lợi bất chính. H1 giới thiệu Hoàng Mạnh H2, Nguyễn Văn T2 (chuyên trộm cắp xe mô tô) và Hoàng Kim T3 (chuyên tháo định vị xe mô tô) cho Duy T1 và N biết. Sau đó, cả nhóm bàn bạc thống nhất kế hoạch như sau: H2, T2 và những người bạn của H2 thực hiện nhiệm vụ trộm cắp tài sản sau đó đưa xe trộm cắp được cho Kim T3 tại địa chỉ số A, đường T, Tổ A, Khu phố C, phường T, Quận A để thay đổi biển số xe và tháo định vị gắn trên xe (nếu có) để tránh bị cơ quan Công an phát hiện. Sau khi thay đổi định vị xong thì đem xe mô tô về nhà của H1 tại địa chỉ số C, Khu phố A, phường T, Quận A để tập kết chờ N và Duy T1 đem xe đi tiêu thụ.

Thực hiện kế hoạch nêu trên, H2, T2, N, Duy T1, Kim T3 và H1 cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ 01: Ngày 08/01/2024, H2 và T4 (chưa rõ lai lịch) trộm cắp 01 xe mô tô biển số 70E1-726.40 của ông Phạm Hữu T tại trước địa chỉ số F, đường T, Khu phố E, phường T, Quận A. Sau khi trộm được xe, H2 giao xe cho H1 và N đem đi tiêu thụ. Khi nhận được xe N điều khiển xe mô tô biển số 70E1-726.40 đến cột mốc 70/1, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước bán cho 01 người thanh niên tên H3 (chưa rõ lai lịch) với số tiền 9.000.000 đồng. Cùng ngày 08/01/2024, ông Phạm Hữu T đến Công an phường T, Quận A trình báo sự việc.

Vụ 02: Cùng ngày 08/01/2024, H2 và T4 (chưa rõ lai lịch) đến trước nhà không số, Tổ D, Khu phố A, phường T, Quận A trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 59V2-976.68 của ông Phạm Văn H. Sau đó, H2 đến điểm

hẹn giao xe vừa trộm cắp được cho H1 và Duy T1 mang đi tiêu thụ. Duy T1 bán xe cho người thanh niên (chưa rõ lai lịch) với giá 6.000.000 đồng. Duy T1 đưa cho H1 số tiền 250.000 đồng tiền công và đưa cho N 5.000.000 đồng và nhờ N đưa cho H2 số tiền trên. Đến ngày 23/01/2024, ông Phạm Văn H đến Công an phường T, Quận A trình báo.

Vào ngày 09/01/2024, H2 đến nhà trọ của Bùi Văn H1 thì gặp Nguyễn Hoài N. Tại đây, N đưa H2 số tiền 13.000.000 đồng gồm số tiền 5.000.000 đồng là Duy T1 bán xe mô tô biển số 59V2-976.68 (vụ 2) nhờ đưa lại cho H2 và số tiền 8.000.000 đồng là N bán xe mô tô biển số 70E1-726.409 (vụ 1), Nguyễn Hoài N hưởng lợi 750.000 đồng.

Vụ 03: Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 19/01/2024, H2 và T2 trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 86C2-019.86 của ông Lê Chung P1 trước địa chỉ số E, đường N, Phường E, quận G. Sau đó, H2 đến điểm hẹn giao xe vừa trộm cắp được cho H1 và N mang đi tiêu thụ. Sau khi nhận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 86C2-019.86 vừa trộm cắp được N đem xe đến cột mốc 70/1, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước để bán xe cho người thanh niên (chưa rõ lai lịch) với giá 7.000.000 đồng. Đến chiều ngày 20/01/2024 N đưa cho H2 số tiền 5.000.000 đồng, đưa cho H1 250.000 đồng và hưởng lợi 1.750.000 đồng. Đến ngày 24/01/2024, ông Lê Chung P1 đến Công an P2, quận G trình báo sự việc.

Vụ 04: Khoảng 21 giờ ngày 20/01/2024, H2 và T2 trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, biển số 72F1-810.45 của bà Đỗ Thị Thu V, trước địa chỉ số E, đường H, Khu phố G, phường T, Quận A. Sau đó cả hai giao xe mô tô vừa trộm cắp được cho H1 và H. Sau khi H1 và N nhận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 72F1-810.45 vừa trộm cắp được N đem xe đến cột mốc 70/1, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước để bán xe cho người thanh niên (chưa rõ lai lịch) với giá 13.000.000 đồng. Đến chiều ngày 20/01/2024 N đưa cho H2 số tiền 12.000.000 đồng, đưa cho H1 250.000 đồng và hưởng lợi 750.000 đồng. Đến ngày 23/01/2024, bà Đỗ Thị Thu V đến Công an phường T, Quận A trình báo sự việc.

Vụ 05: Khoảng 19 giờ ngày 21/01/2024, H2 và T2 đi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 78M1-140.70 của ông Trương Văn C tại địa chỉ số D, đường P, Phường G, quận G. Sau khi trộm cắp được xe, H2 giao xe mô tô trên cho N và Duy T1. Sau khi nhận xe, Duy T1 điều khiển xe mô tô biển số 78M1-140.70 về nhà Kim T3 để Kim T3 kiểm tra thiết bị định vị của xe mô tô. Sau khi kiểm tra xong, Duy T1 đưa 100.000 đồng tiền công cho Kim T3 và điều khiển xe mô tô trên quay lại nhà của Bùi Văn H1 để cất giấu xe mô tô này chờ đem đi tiêu thụ. Đến ngày 22/01/2024, ông Trương Văn C đến Công an P3, quận G trình báo sự việc bị mất trộm tài sản.

Vụ 06: Khoảng 20 giờ ngày 21/01/2024, H2 và T2 tiếp tục trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria, biển số 95H1-731.59 của ông Bùi Chí V1 tại địa chỉ số H, đường A, Tổ H, Khu phố A, phường A, Quận A. Sau khi trộm được H2

giao xe mô tô trên cho N và Duy T1. Sau khi kiểm tra định vị xong, N điều khiển xe mô tô trên về địa chỉ số B, Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước để cất giấu. Đến khoảng 06 giờ ngày 22/01/2024, ông Bùi Chí V1 đến Công an phường A, Quận A trình báo sự việc bị mất trộm tài sản.

Ngày 22/01/2024, Công an Q phối hợp Công an tỉnh B kiểm tra địa chỉ số B, Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria, biển số 95H1-731.59 (xe vụ 6). Qua làm việc ông Nguyễn L là chủ nhà khai nhận xe mô tô trên do Nguyễn Hoài N gửi nhờ tại nhà của ông L.

Ngày 24/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra Quyết định truy nã số 7224/QĐ-ĐCSHS đối với Nguyễn Hoài N. Ngày 13/01/2025, Công an xã X, huyện H lập biên bản bắt người đang bị truy nã đối với Nguyễn Hoài N giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-ĐGTS ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ bạc, biển số 70E1-726.40, trị giá 12.500.000 đồng (Vụ 01).

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-ĐGTS ngày 01/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 59V2-976.68, trị giá 12.500.000 đồng (Vụ 02).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, biển số 86C2-019.86, trị giá 13.000.000 đồng (Vụ 03).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, biển số 72F1-810.45, trị giá 20.500.000 đồng (Vụ 04).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, gắn biển số 78M1-140.70, trị giá 12.000.000 đồng (Vụ 05).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria, biển số 95H1-731.59, trị giá 16.500.000 đồng (Vụ 06).

Tổng số tài sản bị thiệt hại trị giá: 87.000.000 đồng.

Vật chứng, xử lý vật chứng và phân dân sự: Đã được xử lý trong Bản án số 115/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cáo trạng số: 209/CT-VKSQ12 ngày 02/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố: Nguyễn Hoài N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với Bùi Văn H1, Dương Duy T1, Hoàng Mạnh H2, Nguyễn Văn T2, Hoàng Kim T3 ngày 22/4/2025 đã bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bằng Bản án số 115/2025/HS-ST.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Căn cứ vào các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Do biết chỗ tiêu thụ xe mô tô do phạm tội mà có ở tỉnh Bình Phước nên Nguyễn Hoài N đã cùng Bùi Văn H1, Dương Duy T1, Hoàng Mạnh H2, Nguyễn Văn T2, Hoàng Kim T3 lên kế hoạch thực hiện trộm cắp các xe mô tô trên địa bàn Quận A và quận G để bán lấy tiền tiêu xài. N và các đối tượng có sự phân công nhiệm vụ cụ thể: Nhóm của T2, H2 thực hiện việc trộm cắp xe, xe lấy được giao cho H1 gỡ định vị, rồi giao xe cho N, Duy T1 đi tiêu thụ. Thực hiện theo kế hoạch, từ ngày 08/01/2024 đến ngày 21/01/2024, Nam và các đối tượng đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận A và quận G, tổng số tài sản bị chiếm đoạt có trị giá 87.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của N là phạm tội có tính tổ chức chặt chẽ, N đã tham gia 06 lần phạm tội, N không có nghề nghiệp nào khác, lấy tiền do do phạm tội có được làm nguồn sống chính, hành vi của N là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 87.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét thấy, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Đối với Bùi Văn H1, Dương Duy T1, Hoàng Mạnh H2, Nguyễn Văn T2, Hoàng Kim T3 ngày 22/4/2025 đã bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên không đề cập giải quyết.

[5] Vật chứng và xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý trong Bản án số 115/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Theo Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoài N** 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2025.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 7 - TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 7 - TP.HCM; (2)
- THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Phòng hồ sơ NVCS Công an TP.HCM (PV06); (1)
- Cơ quan CSĐT Công an TP.HCM; (1)
- Trại giam Chí Hòa – Phân trại Tạm giam khu vực Quận 12; (1)
- Thi hành án hình sự; (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Bá Hiệp

- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
 - Bị cáo; (1)
 - Những người tham gia tố tụng khác; (6)
 - Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (2) (23)
- 01102231640